

UBND XÃ HÙNG CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138 /BC-THDT
V/v:BC kết quả thực hiện
TT09/2024/TT-BGD&ĐT

Hùng Châu, ngày 10 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

Trường Tiểu học Diễn Trường

1. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Địa chỉ: xóm Liên Thắng, xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 0944048728
- Địa chỉ thư điện tử: thdientruong.dc@nghean.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: <https://tieuhocdientruong.edu.vn>

2. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Hùng Châu.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: “Xây dựng được môi trường làm việc, học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, mỗi giáo viên, học sinh được phát triển toàn diện về nhân cách, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy của bản thân”.

- Tầm nhìn: “Trường Tiểu học Diễn Trường là một trong những trường có uy tín của xã Hùng Châu, là môi trường để giáo viên và học sinh tự hào được cống hiến và ra sức rèn luyện, học tập tốt”.

- Mục tiêu:

1) Giai đoạn 2021 – 2025: Xây dựng đội ngũ sư phạm có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với nghề, yêu trường, đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

2) Giai đoạn 2025 – 2030: Nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và kết quả học tập, giáo dục toàn diện của học sinh; giáo viên và học sinh đáp ứng phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Xây dựng trường Tiên tiến hội nhập

3) Sau năm 2030 - 2035: Tạo lập môi trường giáo dục thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Xã Hùng Châu được thành lập theo Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025;

- Vị trí địa lý: xã Hùng Châu nằm ở phía Bắc tỉnh Nghệ An, phía Bắc giáp với xã Quỳnh Sơn và xã Quỳnh Lưu, phía Nam giáp với xã Đức Châu, xã Đông Thành, xã Bình Minh, phía Đông giáp xã Hải Châu, phía tây giáp xã Quỳnh Tam.

- Về diện tích: Xã Hùng Châu được hình thành trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính của 4 xã, gồm: xã Diễn Lâm, Diễn Đoài, Diễn Trường, Diễn Yên. Xã có diện tích tự nhiên 69,11km

- Quy mô dân số: Tổng số dân đăng ký cư trú trên địa bàn 55.858 người

- Trường Tiểu học Diễn Trường đóng trên địa bàn xã Diễn Trường (cũ), có diện tích khoảng 896,2 ha, với tổng số dân gần 11 nghìn người được phân bố theo 9 xóm dân cư và có 380 người dân theo đạo thiên chúa giáo. Tình hình chính trị an ninh trật tự ổn định. Về kinh tế là xã thuần nông, thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp và chăn nuôi đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn. Về đời sống văn hóa là địa phương có truyền thống hiếu học, các dòng họ, thôn xóm, tổ chức đoàn thể đều xây dựng quỹ hội khuyến học, nhiều thôn xóm, dòng họ được công nhận là đơn vị văn hóa.

Hiện nay, trường được tọa lạc trên một khuôn viên có diện tích gần 18.000 m², yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, thuận lợi cho học sinh đi học. Cảnh quan xanh- sạch - đẹp - an toàn, cơ sở vật chất khang trang với 25 phòng học cao tầng và có đầy đủ các phòng chức năng như: Phòng đa năng, Khoa học, phòng Âm nhạc, Tiếng Anh, Mỹ Thuật, phòng tin học. Năm học 2025-2026 trường có 39 cán bộ, giáo viên, nhân viên, 25 lớp với 876 em học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, trong những năm qua, thầy và trò Trường Tiểu học Diễn Trường đã thi đua dạy tốt, học tốt và đạt được những thành tích xuất sắc: nhiều năm liền là Tập thể lao động tiên tiến, Lao động xuất sắc đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (2006); được công nhận lại năm 2016, đơn vị văn hóa cấp huyện (2005). Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 năm 2022, Chuẩn QG mức độ 2 năm 2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật:

- Ông: Chu Tự Hạnh

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Diễn Trường

- Số điện thoại: 0944048728

- Địa chỉ thư điện tử: thdientruong.dc@nghean.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Tiểu học Diễn Trường được tách ra từ trường PTCS Diễn Trường từ năm 1992 theo QĐ của UBND Huyện Diên Châu.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học Diễn Trường nhiệm kỳ 2021 - 2025.

**DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TH DIỄN TRƯỜNG
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Chu Tự Hạnh	23/01/1984	Hiệu trưởng	TH Diên Trường
2	Nguyễn Thị Hoa Hương	28/5/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Diên Trường
3	Trần Thị Tình	25/03/1980	Chủ tịch CD	TH Diên Trường
4	Nguyễn Thị Tuyết	24/10/1984	Tổ trưởng CM	TH Diên Trường
5	Nguyễn Thị Ngần	10/10/1975	Tổ trưởng CM	TH Diên Trường
6	Đậu Viết Trường	11/01/1988	TPT Đội	TH Diên Trường
7	Nguyễn Thị Nhân	04/09/1976	TBTTND	TH Diên Trường
8	Chu Văn Đạt	1980	PCT UBND xã	TH Diên Trường
9	Chu Ngọc Quang	1952	Đại diện Hội PH	TH Diên Trường

Danh sách này gồm có 9 người./.

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TH DIỄN TRƯỜNG
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Chu Tự Hạnh	23/01/1984	Hiệu trưởng	Th Diên Trường

Danh sách này gồm có 01 người./.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

c1. Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng.

c2. Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về việc lại chức vụ phó Hiệu trưởng đối với bà Nguyễn Thị Hoa Hương.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

d1. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn 1,2,3 và tổ 4-5; lớp học sinh.

- Hoạt động: Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng..

d2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Chức năng: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ:

1. Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

3. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

6. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

7. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

9. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

10. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quyền khác theo quy định của pháp luật.

d3. Tổ chức bộ máy: Tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Ông: Chu Tự Hạnh

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Số điện thoại: 0944048728

- Địa chỉ thư điện tử: chutuhanhdt@gmail.com

- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Diễn Trường.

Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo

và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hùng Châu, ngày 20 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẦU NĂM
NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ tình hình thực tế của trường Tiểu học Diễn Trường;

Hội đồng trường Trường Tiểu học Diễn Trường Quyết nghị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất định hướng hoạt động của trường trong năm học 2025- 2026. Trong đó tập trung vào các vấn đề trọng tâm sau:

1. Nhiệm vụ chung

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả CTGDPT; triển khai dạy học 2 buổi/ngày có hiệu quả.

- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, tạo cơ hội, điều kiện để HS được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

- Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho HS khuyết tật.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương ban hành các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường.

- Nâng cao chất lượng trường Quốc gia mức độ 2, tập thể lao động tiên tiến để Trường Tiểu học Diễn Trường trở thành trường có chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

2. Nhiệm vụ chuyên môn

2.1. Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn

- Tập huấn CSDL ngành.
- Tập huấn PCGD, XMC.
- Tập huấn dạy học STEM trong các môn và HĐGD tại trường Tiểu học.
- Tập huấn phương pháp dạy học tích cực.
- Tập huấn đánh giá HS tiểu học.
- Tập trung chỉ đạo 100% CB, GV thực hiện bồi dưỡng thường xuyên năm học 2025-2026 theo kế hoạch cá nhân, trường.
- Bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho 100% cán bộ giáo viên của đơn vị theo KH.

2.2. Công tác tuyển sinh vào lớp 1

Rà soát trẻ 6 tuổi trên địa bàn, tiếp tục tuyển sinh vào lớp 1. Quyết tâm không bỏ sót bất kỳ một học sinh nào, thực hiện rà soát đối chiếu hồ sơ theo giấy khai sinh để đảm bảo đúng đối tượng.

2.4. Phân công chuyên môn, xếp TKB

- Thống nhất thành lập 2 tổ chuyên môn năm học 2025-2026 với cơ cấu, số lượng phù hợp đặc thù và theo Điều lệ trường Tiểu học.
- Đảm bảo tính công bằng, sát với trình độ của giáo viên và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Ưu tiên lựa chọn đội ngũ cho lớp 2,3,4,5; duy trì sự ổn định đội ngũ đối với lớp 1.
- Xây dựng thời khóa biểu đúng quy định, đảm bảo tính khoa học, hiệu quả (buổi học thứ nhất và buổi học thứ 2 của năm học 2025-2026 phù hợp, khoa học và đúng quy định, đảm bảo đủ 23 tiết/tuần và các quy định về chế độ làm việc của giáo viên).
- Tiếp tục triển khai, thực hiện dạy và học Tiếng Anh theo đề án 1400, dạy làm quen tiếng Anh cho học sinh lớp 1,2.
- Tiếp tục tham mưu với UBND xã xây dựng CSVC theo TT 13 đảm bảo duy trì công nhận trường chuẩn quốc gia mức 2.
- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Ứng dụng CNTT trong dạy – học và công tác quản lý.
- Đổi mới, sáng tạo trong quản lý và giảng dạy
- Triển khai các văn bản thực hiện tiếp cận và thực hiện chương trình GDPT mới.

2.5 Về đội ngũ

Hợp đồng thêm 6 Giáo viên trong đó 4 giáo viên chủ nhiệm, 2 GV tiếng anh.

2.6. Về chuẩn bị CSVC

- Kế hoạch mua sắm CSVC

a. Từ ngân sách cấp:

- Mua tài liệu phục vụ thay sách cho giáo viên, Bổ sung các loại hồ sơ sổ sách của nhà trường và của giáo viên, học sinh như: SGK, SGV, tài liệu tham khảo dạy và học buổi 2, các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học theo đúng quy định.

- Sửa chữa phòng bảo vệ, diệt mối, ...

- Mua máy tính phòng thư viện

b. Từ nguồn vận động tài trợ năm học 2025-2026:

- Cần mua 9 bảng từ, 22 bộ bàn ghế, bóng LED bổ sung cho các lớp học. Sửa chữa điện, quạt các phòng học đảm bảo an toàn cho học sinh.

- Thay mới 10 bộ cửa sổ cho các lớp 2C, 3E, 3D, 3C, 3B, 2B. Đồng thời sửa chữa: Mua ke nẹp vít các góc mạ của các phòng học, gắn keo các ô kính....

- Cải tạo khuôn viên trước dãy nhà cấp 4: Đổ thêm đất tôn cao nền, làm mương thoát nước xung quanh, Đổ bê tông theo ô bàn cờ.

- Lát lại gạch các khu vực bị hỏng trên sân trường; Bổ sung thay thế các bảng biểu trên sân trường để đảm bảo tính thẩm mỹ và giáo dục.

- Tiếp tục tăng cường công tác tài trợ đảm bảo tính hiệu quả, đúng quy định, đúng luật. để mua mới, sửa chữa, bổ sung CSVC, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học năm học 2025-2026.

c. Từ ngân sách xã

- Xây mới bờ tường phía Nam, nhà hiệu bộ....

3. Giải pháp thực hiện

- Động viên tuyên truyền mỗi CBVC, mỗi thành viên Hội đồng trường chủ động tích cực học hỏi nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm để cùng vào cuộc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường.

- Hội đồng trường chủ động cùng với các tổ chức liên quan để thực hiện quyền hạn chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ đã quy định đầy đủ, hiệu quả. Chống các biểu hiện hình thức, ỉn, chủ quan, làm việc qua loa hoặc chung chung.

- Làm tốt công tác tổ chức giám sát, thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, chủ quan, công khai, công bằng, dân chủ, kịp thời dứt điểm.

- 100% Đảng viên trong chi bộ thực hiện tốt Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, không vi phạm những điều Đảng viên không được làm.

- Liên đội hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, các hoạt động Đội được đẩy mạnh đồng bộ, đóng góp quỹ kế hoạch nhỏ, đóng góp quỹ Đội.

- Trong năm học này, nhà trường tiếp tục vận động sự đóng góp của cha mẹ học sinh, cán bộ GV, các tổ chức xã hội để tặng quà giúp đỡ học sinh nghèo.

Điều 2. Hội đồng trường phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026. Các khoản thu theo quy định của Sở Giáo dục Nghệ An, Hướng dẫn của UBND xã Hùng Châu

Điều 3. Các thành viên của Hội đồng trường có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết và có báo cáo với hội đồng trường trong phiên họp giữa năm học. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc giữa hiệu trưởng và Hội đồng trường thì giải quyết theo Điều lệ trường tiểu học./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT,.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Chu Tự Hạnh

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a, Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

Năm học 2024-2025:

TT	Nội dung		Tổng	Trình độ đào tạo		Hạng chức danh nghề nghiệp		
	Tổng QL, GV, NV	TL		Th.S	ĐH	II	III	Khác
			39	1	38	18	13	8
	Quản lý	100	2	1	1	2		
			2	1	1	2		
	Giáo viên:	1,4	35		35	16	13	6
	+Giáo viên văn hóa		28		28	15	8	5
	Giáo viên bộ môn:		7		7	1	4	2
	-Âm nhạc		1		1		1	

	-Mĩ thuật		1		1	1		
	-Tin học		1		1		1	
	-Ngoại ngữ		4		4		2	2
	Nhân viên		2		2			2

Năm học 2025-2026:

TT	Nội dung		Tổng	Trình độ đào tạo		Hạng chức danh nghề nghiệp		
	Tổng QL,GV,NV	TL		Th.S	ĐH	II	III	Khác
			39	1	38	18	13	8
	Quản lý	100	2	1	1	2		
			2	1	1	2		
	Giáo viên:	1,4	35		35	16	13	6
	+Giáo viên văn hóa		28		28	15	8	5
	Giáo viên bộ môn:		7		7	1	4	2
	-Âm nhạc		1		1		1	
	-Mĩ thuật		1		1	1		
	-Tin học		1		1		1	
	-Ngoại ngữ		4		4		2	2
	Nhân viên		2		2			2

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ Quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp và Bồi dưỡng thường xuyên

Năm học 2024-2025

Nội dung		Chuẩn nghề nghiệp				BDTX			
Tổng QL,GV,NV	39	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	CD
		16	15			16	15		
Quản lý	2	2				2			
Giáo viên:	29	14	15			14	15		

Năm học 2025-2026

Nội dung		Chuẩn nghề nghiệp				BDTX			
Tổng QL,GV,NV	39	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	CD
		16	15			16	15		

Quản lý	2	2				2			
Giáo viên:	29	14	15			14	15		

b. Thông tin về CSVC và tài liệu học tập sử dụng chung

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Y/c theo quy định
1	Diện tích đất	18.000 m ² /876	20.54 m ² /học sinh	10 m ² /học sinh
2	Số phòng học/số lớp	25/25	1 phòng/1 lớp	Đạt
3	Số phòng quản trị	6/6	100%	Đạt
4	Khối phòng học tập	31/31	100%	Đạt
5	Khối phòng hỗ trợ học tập	5 phòng	5/5	5 phòng
6	Khối phụ trợ	5 phòng	5/8	8 phòng
7	Khu sân chơi TDTT	2	2/3	Nhà đa năng
8	Khối phục vụ sinh hoạt	-	-	-
9	Hạ tầng kĩ thuật	2	2/4	PCCC, nước
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	24/24	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học hiện có	30 bộ	25 bộ	Đạt
2	Danh mục SGK	1500	1492	Đạt
3	Danh mục tham khảo	1120	1106	Đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Trên cơ sở tự đánh giá theo bộ tiêu chí, Hội đồng đánh giá Trường Tiểu học Diễn Trường rút ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường trong mỗi hoạt động như sau:

1. Điểm mạnh:

***Về hoạt động dạy học:** Nhà trường đã thực hiện tốt quy định về kế hoạch giảng dạy và học tập của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT chủ động trong kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học, tạo môi trường làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên; chất lượng quản lý chuyên môn ngày càng chặt chẽ; công tác quản lý, chất lượng kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan. Trường chú trọng chất lượng dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo quan tâm đến chất lượng của các đối tượng học sinh trong lớp. Chỉ đạo giáo viên chủ động linh hoạt trong lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học, thực hiện dạy phân hoá trong từng tiết học, buổi học nhằm phát huy được

năng lực của học sinh. Bên cạnh đó, trường còn động viên giáo viên vận dụng CNTT trong dạy học để phù hợp với tình hình giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

***Về hoạt động học tập và rèn luyện:** Công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá được thực hiện chặt chẽ, đúng qui chế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng học tập cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai kịp thời, đầy đủ các công văn hướng dẫn về dạy học và rèn luyện cho giáo viên và học sinh.

***Về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:** Hằng năm, nhà trường đã động viên khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và không ngừng tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân, tạo được sự đoàn kết đồng thuận cao trong nội bộ. Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác; phân công, phân nhiệm và bố trí chuyên môn hợp lý, nên phát huy được năng lực của từng cán bộ, giáo viên; Nhà trường đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, có kế hoạch cụ thể cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

*** Về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị:**

Với diện tích 18.000m² /876 học sinh và diện tích sân nhà tầng như vậy nhà trường đã có diện tích mặt bằng đạt chuẩn, đủ cơ sở vật chất để phục vụ dạy học hai buổi trên ngày, có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất nên phòng học luôn đảm bảo đủ duy trì tốt các hoạt động giáo dục. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác cải tạo cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo chất lượng cho các hoạt động giáo dục trong trường. Trường cũng đã xây dựng được cảnh quan môi trường sạch sẽ, thoáng mát, tạo cảnh quan sư phạm cho cán bộ giáo viên và học sinh làm việc, học tập.

***Về công tác quản lý tài chính:** Nhà trường đã và đang cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho CB, GV, NV; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hằng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu chi đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán. Hồ sơ đảm bảo, lưu giữ cẩn thận, khoa học.

*** Về tổ chức bộ máy và công tác quản lý điều hành:** Lãnh đạo quản lý nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý vững vàng; có đủ các tổ chức đoàn thể, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của giáo viên và học sinh. Nhà trường có sổ quản lý các công văn đi, công văn đến chặt chẽ, kịp thời trong quá trình triển khai công tác, quản lý điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường đảm bảo tính chủ động và linh hoạt. Ban

giám hiệu đã căn cứ tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường để xây dựng kế hoạch cũng như điều hành các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng chức trách của tổ chức và hiệu quả.

*** Về công tác xây dựng môi trường giáo dục:** Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, xây dựng cảnh quan xanh, sạch, thoáng đãng; luôn chú trọng và có biện pháp đảm bảo an ninh, không có bạo lực, không có tệ nạn xã hội; không có hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

*** Về xây dựng quan hệ nhà trường- gia đình- xã hội:** Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm phối hợp tốt để giáo dục học sinh phát triển toàn diện nhân cách và thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh tiểu học trong giai đoạn mới.

2. Điểm yếu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại chưa thật đầy đủ; hệ thống cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin chưa đồng bộ, đôi lúc chưa đáp ứng được nhu cầu tối đa các hoạt động nhà trường.

Một bộ phận nhỏ gia đình học sinh đông con, đi làm ăn xa, con cái gửi ông bà chăm sóc nuôi dưỡng nên các em chưa được sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình vì vậy kết quả học tập chưa cao.

3. Thống kê các kết quả tự đánh giá:

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo Tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường. Hội đồng tự đánh giá mong rằng, sau quá trình tự đánh giá, nhà trường có nhiều biện pháp hữu hiệu hơn trong công tác quản lý để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Trường Tiểu học Diên Trường đề nghị giữ vững KĐCLGD Cấp độ 3; đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2

5. Kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài:

Được UBND tỉnh Nghệ An ra QĐ số: 2433/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 Về việc công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Quy mô trường lớp:

TT	Môn học	Khối 3						Khối 4						Khối 5					
		HIT(T)		HI(H)		CHI(C)		HIT(T)		HI(H)		CHI(C)		HIT(T)		HI(H)		CHI(C)	
		SL	TL	SL	SL	TL	SL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	T Toán	112	65.5	57	33.3	2	12	100	59.2	69	40.8	0	0	101	56.7	77	43.3	0	0
2	T. Việt	104	60.8	66	38.6	1	0.6	99	58.6	70	41.4	0	0	110	61.8	68	38.2	0	0
3	Tiếng Anh	108	63.2	63	36.8	0	0	96	56.8	73	43.2	0	0	108	60.7	70	39.3	0	0
4	Đạo đức	124	72.5	47	27.5	0	0	132	78.1	37	21.9	0	0	127	71.3	51	28.7	0	0
5	TN&XH	120	70.2	51	29.8	0	0	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
6	Âm nhạc	124	72.5	47	27.5	0	0	124	73.4	45	26.6	0	0	131	73.6	47	26.4	0	0
7	Mỹ thuật	127	74.3	44	25.7	0	0	122	72.2	47	27.8	0	0	135	75.8	43	24.2	0	0
8	GDIC	134	78.4	37	21.6	0	0	129	76.3	40	23.7	0	0	130	73	48	27	0	0
9	HDIN	130	76	41	24	0	0	119	70.4	50	29.6	0	0	124	69.7	54	30.3	0	0
10	Tin học	106	62	65	38	0	0	101	59.8	68	40.2	0	0	101	56.7	77	43.3	0	0
11	Công Nghệ	104	60.8	67	39.2	0	0	102	60.4	67	39.6	0	0	102	57.3	76	42.7	0	0
12	Khoa học	/	/	/	/	/	/	99	58.6	70	41.4	0	0	118	66.3	60	33.7	0	0
13	Lịch sử và Địa lý	/	/	/	/	/	/	99	58.6	70	41.4	0	0	113	63.5	65	36.5	0	0

2. Kết quả đánh phẩm chất													
TT	Phẩm chất	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		CCG (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		CCG (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	124	78	35	22	0	0	159	93	12	7	0	0
2	Nhân ái	130	81.8	29	18.2	0	0	157	91.8	14	8.2	0	0
3	Chăm chỉ	122	76.7	36	22.6	1	0.6	137	80.1	34	19.9	0	0
4	Trung thực	132	83	26	16.4	1	0.6	154	90.1	17	9.9	0	0
5	Trách nhiệm	125	78.6	34	21.4	0	0	150	87.7	21	12.3	0	0

TT	Phẩm chất	Khối 3						Khối 4						Khối 5					
		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	146	85.4	25	146	0	0	154	91.1	15	89	0	0	156	87.6	22	124	0	0
2	Nhân ái	152	88.9	19	11.1	0	0	149	88.2	20	11.8	0	0	149	83.7	29	163	0	0
3	Chăm chỉ	133	77.8	38	22.2	0	0	124	73.4	45	26.6	0	0	118	66.3	60	33.7	0	0
4	Trung thực	138	80.7	33	19.3	0	0	140	82.8	29	17.2	0	0	144	80.9	34	19.1	0	0
5	Trách nhiệm	131	76.6	40	23.4	0	0	137	81.1	32	18.9	0	0	135	75.8	43	24.2	0	0

3. Kết quả đánh giá năng lực																			
TT	Năng lực	Khối 1						Khối 2											
		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)							
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tự chủ và tự học	114	71.7	40	25.2	5	3.1	126	73.7	45	26.3	0	0						
2	Giao tiếp và hợp tác	128	80.5	27	17	4	2.5	139	81.3	32	18.7	0	0						
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	117	73.6	38	23.9	4	2.5	125	73.1	46	26.9	0	0						
4	Năng lực đặc thù																		
4.1	Ngôn ngữ	110	69.2	42	26.4	7	4.4	122	71.3	47	27.5	2	1.2						
4.2	Tính toán	117	73.6	37	23.3	5	3.1	131	76.6	40	23.4	0	0						
4.3	Khoa học	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/						
4.4	Công nghệ	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/						
4.5	Tin học	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/						
4.6	Thẩm mỹ	120	75.5	39	24.5	0	0	132	77.2	39	22.8	0	0						
4.7	Thể chất	119	74.8	40	25.2	0	0	136	79.5	35	20.5	0	0						
TT	Năng lực	Khối 3						Khối 4						Khối 5					
		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)		Tốt (T)		Đạt (Đ)		CCG(O)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tự chủ và tự học	131	76.6	40	23.4	0	0	110	65.1	59	34.9	0	0	116	65.2	62	34.8	0	0
2	Giao tiếp và hợp tác	133	77.8	38	22.2	0	0	123	72.8	46	27.2	0	0	126	70.8	52	29.2	0	0
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	113	66.1	58	33.9	0	0	104	61.5	65	38.5	0	0	110	61.8	68	38.2	0	0
4	Năng lực đặc thù																		
4.1	Ngôn ngữ	103	60.2	67	39.2	1	0.6	101	59.8	68	40.2	0	0	116	65.2	62	34.8	0	0
4.2	Tính toán	113	66.1	56	32.7	2	1.2	103	60.9	66	39.1	0	0	105	59	73	41	0	0
4.3	Khoa học	/	/	/	/	/	/	100	59.2	69	40.8	0	0	122	68.5	56	31.5	0	0
4.4	Công nghệ	105	61.4	66	38.6	0	0	102	60.4	67	39.6	0	0	108	60.7	70	39.3	0	0
4.5	Tin học	106	62	65	38	0	0	101	59.8	68	40.2	0	0	103	57.9	75	42.1	0	0
4.6	Thẩm mỹ	118	69	53	31	0	0	119	70.4	50	29.6	0	0	137	77	41	23	0	0
4.7	Thể chất	133	77.8	38	22.2	0	0	129	76.3	40	23.7	0	0	129	72.5	49	27.5	0	0

4. Đánh giá cuối năm học :											
1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khôi 1		Khôi 2		Khôi 3		Khôi 4		Khôi 5	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.1	Hoàn thành xuất sắc	65	40.9	62	36.26	53	31.1	48	28.4	49	27.5
1.2	Hoàn thành tốt	43	27	53	30.99	46	26.9	42	24.9	48	27
1.3	Hoàn thành	44	27.7	54	31.58	69	40.3	79	46.7	81	45.5
1.4	Chưa hoàn thành	7	4.4	2	1.17	3	1.7				
2	Khen thưởng cuối năm										
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	65	40.9	62	36.26	53	31.1	48	28.4	49	27.5
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	43	27	53	30.99	46	26.9	42	24.9	48	27
2.3	Khen thưởng đột xuất										
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng										
2.5	Gửi thư khen					1	0.58				
3	Hoàn thành chương trình lớp học										
3.1	Hoàn thành	152	95.6	169	98.83	168	98.3	169	100	178	100
3.2	Chưa hoàn thành	7	4.4	2	1.17	3	1.7				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

TT	Chỉ số thống kê	2025	2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	6.818.537.000	6.659.620 000
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	6.720.537.000	6.258.000.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	98.000.000	401.620.000
1	Học phí, lệ phí từ người học		

2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	98.000.000	401.620.000
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	3.878.639.000	
I	Chi lương, thu nhập	3.597.277.000	5.915.676.000
1	Chi lương, thu nhập của giáo viên, nhân viên	3.437.277.000	5.610.267.000
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	160.000.000	305.500.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	85.450.000	505.507.000
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	85.450.000	505.507.000
III	Chi hỗ trợ người học	22.230.000	23.400.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	22.230.000	23.400.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	173.682.000	215 037 000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	2.658.536.000	0
	THU TIỀN TÀI TRỢ GIÁO DỤC	201.219.000	186.680.000
	CHI TIỀN TÀI TRỢ GIÁO DỤC	201.219.000	186.680.000
	Thanh toán tiền sửa máy vi tính phòng tin học	19.096.000	
	Thanh toán tiền sửa cửa sổ và cửa nhà xe	13.337.083	
	Thanh toán tiền làm mái nhà cấp 4	32.350.000	
	Thanh toán tiền lắp rèm hành lang các phòng học	98.515.917	
	Thanh toán tiền mua bảng xanh oly cố định cho các lớp	21.420.000	

	Thanh toán tiền trồng cây trên sân trường	17.500.000	
	Mua bàn ghế và tủ đồ dùng học sinh, bảng xanh		32.790.000
	Lát gạch hành lang dãy nhà 18 phòng		21.540.000
	Sửa phòng học tiếng Anh		75.000.000
	Sửa nền phòng âm nhạc		28.950.000
	Mua máy vi tính		29.000.000

-Thời điểm công khai: tháng 10/2025

-Đường link thư mục “ CÔNG KHAI” <https://tieuhocdientruong.edu.vn>

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Tập thể: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ
2. Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 02
3. Giáo viên Tổng phụ trách Đội giỏi cấp huyện: 0
4. Sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở: 13 bộ
5. Lao động Tiên tiến: 33/33; CSTĐ: 17 đ/c
6. CLB Văn, Toán tuổi thơ cấp huyện: 6/6. Có 1 giải nhất
7. Xếp thứ chất lượng khảo sát lớp 5: 17/38
8. HS đạt tin học trẻ cấp huyện: 01 em giải nhì
9. Tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường
10. Các cuộc thi trên mạng: cấp huyện: 200, cấp tỉnh: 60, quốc gia: 10
11. Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng: 0
12. Sáng kiến Phòng chống Bạo lực học đường: 01
13. Học sinh tham gia English Challenge: 2

VIII. THUẬN LỢI KHÓ KHĂN KHI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

- **Thuận lợi:** Có văn bản chỉ đạo của các cấp các ngành về thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
- Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT nhằm minh bạch các cam kết về chất lượng, điều kiện bảo đảm chất lượng; thu chi tài chính tại các cơ sở giáo dục và các thông tin khác có liên quan của cơ sở giáo dục để cán bộ, giáo viên, người lao động, người học, gia đình và xã hội biết và tham gia giám sát các hoạt động của các cơ sở giáo dục.
- Công khai theo đúng quy định pháp luật nhưng đơn giản hóa các thông tin công khai, hạn chế việc cập nhật số liệu chi tiết về kỹ thuật, trùng nội dung, giảm biểu mẫu để góp phần thực hiện cải cách hành chính.

-Thông qua số liệu công khai trong báo cáo thường niên, thông tin có giá trị đối sánh của năm sau so với năm trước và phục vụ cho nhiều mục đích của cơ sở giáo dục.

-Khó khăn: văn bản mới nên việc tiếp cận còn nhiều vướng mắc.

-Kiến nghị, đề xuất: cần được tập huấn, hướng dẫn để làm chính xác.

Nói nhận:

-Như trên

-Lưu:VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Chu Tự Hạng

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.